Sở Tài chính tỉnh Yên Bái **Biểu số 60/CK-NSNN**

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2020

(Kèm theo báo cáo số 2748 /TB-STC ngày 06/10/2020 của Sở Tài chính tỉnh Yên Bái)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III (9 THÁNG, NĂM 2020)	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (1)**	**3.300.000**	**1.969.046**	**59,7**	**123,0**
I	**Thu nội địa**	**3.015.000**	**1.819.875**	**60,4**	**128,1**
1	Thu từ khu vực DNNN	415.000	221.584	53,4	92,3
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	80.000	61.416	76,8	111,5
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	600.000	368.616	61,4	111,3
4	Thuế thu nhập cá nhân	120.500	85.343	70,8	111,8
5	Thuế bảo vệ môi trường	160.000	119.067	74,4	119,2
6	Lệ phí trước bạ	145.000	96.410	66,5	113,5
7	Thu phí, lệ phí	96.000	61.341	63,9	99,9
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.203.000	666.805	55,4	202,7
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.000	2.998	99,9	97,6
	- Thu tiền sử dụng đất	1.050.000	613.126	58,4	204,1
	- Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	20.000	11.945	59,7	78,7
	- Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	130.000	38.736	29,8	377,8
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	85.000	42.296	49,8	58,9
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	26.000	15.575	59,9	92,5
11	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi công sản khác	3.500	830		
12	Thu khác ngân sách	81.000	80.592	99,5	150,1
II	**Thu từ dầu thô**				
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**	**285.000**	**149.171**	**52,3**	**82,7**
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	5.000		0,0	
2	Thuế xuất khẩu	280.000	149.171	53,3	**82,7**
3	Thuế nhập khẩu				
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu				
6	Thu khác				
IV	**Thu viện trợ**				
B	**THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**2.837.400**	**1.669.420**	**58,8**	**327,9**
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu NSĐP được hưởng 100%	2.837.400	1.669.420	58,8	3,3
C	**THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**8.450.961**	**6.379.928**	**75,5**	**344,5**
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	6.177.131	4.663.334	75,5	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	2.273.830	1.716.594	75,5	
D	**THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC SANG**		**2.815.314**		